

PHẠM QUỲNH

MODULE THCS

36

**GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG
CHO HỌC SINH
TRUNG HỌC CƠ SỞ**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Giáo dục giá trị sống là quá trình tổ chức và hướng dẫn hoạt động của học sinh để học sinh chiếm lĩnh được các giá trị xã hội, hình thành nên hệ thống giá trị của bản thân phù hợp với sự mong đợi và yêu cầu chung của toàn xã hội. Giáo dục giá trị sống, với cách hiểu như vậy, là bộ phận cốt yếu của mọi chương trình giáo dục nhằm hình thành và phát triển nhân cách con người.

Để hướng dẫn giáo viên biết ứng dụng việc giáo dục giá trị sống vào trong những hoạt động dạy học, module này cũng yêu cầu giáo viên tự thiết kế những bài tập theo các tình huống khác nhau, theo các phương pháp khác nhau... từ đó đưa ra những hành vi ứng xử mới theo đúng hệ giá trị sống. Module còn yêu cầu giáo viên lập những kế hoạch làm mẫu các hoạt động theo các giá trị khác nhau trong lớp học, trong giờ ngoại khoá... Module này không phải là một tài liệu đóng mà khuyến khích giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, sự sáng tạo của bản thân qua việc tự thiết kế các hoạt động, tự dàn dựng các vở kịch, tự sáng tác ca khúc, bài thơ, tự sưu tầm các câu chuyện... liên quan đến các giá trị sống. Điều quan trọng nhất, mỗi giáo viên đồng thời cũng phải là một tấm gương thực hiện các hành vi theo giá trị sống.

Là tài liệu hướng dẫn tự học, cấu trúc chung của tài liệu đáp ứng các yêu cầu: xác định mục tiêu dạy học cụ thể; hoạch định nội dung (đối tượng học tập) giúp giáo viên thực hiện mục tiêu dạy học; thiết kế các hoạt động (con đường lĩnh hội) để thực hiện nội dung; thông tin cơ bản giúp giáo viên thực hiện các hoạt động; các công cụ để giáo viên tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

- Lí thuyết bao gồm nội dung chi tiết, giải thích và ví dụ về các khái niệm chủ yếu.
- Bài tập được đan xen vào nội dung nhằm giúp bạn chủ động suy nghĩ về khái niệm và vấn đề đang được thảo luận.
- Bài tự đánh giá nhằm giúp bạn đánh giá những kiến thức mà bạn tiếp thu được từ mỗi chương.
- Ngoài ra, bạn có thể tìm thấy trong phần cuối của mỗi nội dung hoặc hoạt động:
 - + Bài tập để kiểm tra sự hiểu biết của bạn về các khái niệm đã trình bày.
 - + Bài tập tình huống cho phép bạn áp dụng kiến thức và kĩ năng của bạn vào việc phân tích một tình huống cụ thể.

Tài liệu được thiết kế bởi kĩ thuật thiết kế tài liệu tự học, vì thế bạn có thể học ở mọi nơi, mọi lúc. Tất nhiên, nếu bạn tập trung và hạn chế được những tác động xung quanh thì hiệu quả học tập của bạn sẽ cao hơn.

Bạn sẽ được dẫn dắt qua các hoạt động học tập chủ yếu như: đọc, ghi chép, làm bài thực hành, bài tập tự đánh giá và suy ngẫm. Sau mỗi chương, bạn nên dừng ở trang suy ngẫm để điểm lại những điều bạn cảm thấy tâm đắc. Hãy thảo luận những vấn đề bạn đã học với đồng nghiệp và tận dụng cơ hội để áp dụng những điều bạn đã học.

Ngay bây giờ, bạn hãy dành ít phút để viết ra những mong đợi của mình khi bắt tay nghiên cứu module này.



B. MỤC TIÊU

Module giúp giáo viên có thể:

- Nêu lên được quan niệm về giá trị, định hướng giá trị và giá trị sống.
- Phân loại giá trị sống và sự liên hệ giữa chúng.
- Xác định được vai trò và mục tiêu giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở.
- Ý nghĩa của giáo dục giá trị sống đối cho học sinh trung học cơ sở.
- Vận dụng các phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở.
- Thực hành xây dựng, thiết kế các hoạt động giáo dục giá trị sống.



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

KHÁI NIỆM GIÁ TRỊ SỐNG VÀ PHÂN LOẠI GIÁ TRỊ SỐNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm giá trị sống.

1. Nhiệm vụ

Bạn cho biết ý kiến của mình về khái niệm giá trị sống.

2. Thông tin phản hồi

Giá trị sống (Living values) vốn là chủ đề đã được bàn thảo từ khá sớm trong lịch sử. Trong những bàn thảo đó, nhiều nội dung của các khoa học xã hội nhân văn như Triết học, Đạo đức học, Xã hội học, Tôn giáo học, Tâm lý học, Giáo dục học... đã được đề cập đến để làm rõ nội hàm của nó. Chẳng hạn: Cuộc sống là gì? Ý nghĩa của cuộc sống là gì? Những gì làm cho cuộc sống trở nên có ý nghĩa? Làm thế nào con người có thể chung sống với nhau mà không xung đột? Con người có những quyền cơ bản nào? Điều gì làm nên phẩm giá của con người?...

Vậy giá trị sống là gì?

Giá trị sống (hay còn gọi là “giá trị cuộc sống”, “giá trị của cuộc sống”) là những điều mà một con người cho là tốt, là quan trọng, phải có cho bằng được. Vì thế, giá trị sống là cơ sở của hành động sống. Nó chi phối hành vi hướng thiện của con người. Thuật ngữ giá trị sống có thể quy chiếu

vào những mối quan tâm, những thích thú, những cái ưa thích, những sợ thích, những bồn phận, những trách nhiệm tinh thần, những ước muốn, những đòi hỏi, những nhu cầu, những ác cảm, những lời cuốn và nhiều hình thái khác nữa của định hướng lựa chọn. Nói cách khác, giá trị sống có mặt trong thế giới rộng lớn và đa dạng của hành vi lựa chọn. Hành vi theo phản xạ không biểu hiện các giá trị sống hay sự đánh giá: từ cái nháy mắt bất thần tới phản xạ xương bánh chè hay bất cứ quá trình sinh hoá nào trong cơ thể đều không tạo ra hành vi giá trị.

Theo nghĩa hẹp, giá trị sống là quan niệm về cái đáng mong muốn (desirable) ảnh hưởng tới hành vi lựa chọn. Theo định nghĩa này, có sự phân biệt giữa cái được mong muốn và cái đáng mong muốn. Định nghĩa này được các ngành khoa học xã hội đánh giá cao, bởi nó loại trừ, chẳng hạn, những giá trị thuần túy mang tính hướng lạc.

Theo nghĩa rộng, giá trị sống là bất cứ cái gì được xem là tốt hay xấu; Hoặc giá trị là điều quan tâm của một chủ thể nào đó. Con người không lãnh đạm với thế giới. Dù công khai hay ngầm ngầm, họ đều xem mọi sự vật, hiện tượng như những cái tốt hay xấu, thật hay giả, đức hạnh hay thói hư tật xấu...

Dường như, mọi giá trị sống đều chứa đựng một số nhận thức. Chúng có tính chất lựa chọn hay hướng dẫn và chúng bao gồm một số yếu tố tình cảm. Các giá trị sống được sử dụng như là những tiêu chuẩn cho sự lựa chọn khi hành động. Khi đã được nhận thức công khai và đầy đủ nhất, các giá trị sống trở thành những tiêu chuẩn cho sự phán xét, sự ưa thích và sự lựa chọn. Trong trường hợp khi còn dưới dạng tiềm ẩn hay chưa được nhận thức, các giá trị sống vẫn được thực hiện như là chúng đã cấu thành cơ sở cho những quyết định trong hành vi. Trong rất nhiều trường hợp, người ta thường thích một điều ổn định hơn là những điều mới khác, người ta thường lựa chọn hướng hành động này hơn là hướng hành động khác, người ta thường phán xét hành vi của những người khác...

Các giá trị sống không phải là những động cơ. Nhiều động cơ đặc thù thường có thể tăng cường sức mạnh cho một giá trị nhất định. Các giá trị sống cũng không đồng nhất với các chuẩn mực ứng xử. Các chuẩn mực là những quy tắc hành vi. Chúng nói về cái nên làm hay không nên làm đối với từng loại nhân vật đặc thù trong những tình huống nhất định. Các giá trị sống là những tiêu chuẩn của điều đáng mong muốn mang tính độc lập hơn trong những hoàn cảnh riêng biệt. Giá trị sống có thể là điểm quy chiếu cho rất nhiều các chuẩn mực riêng biệt.

Trong khi, một chuẩn mực có thể thể hiện sự ứng dụng của cùng một lúc nhiều giá trị riêng lẻ. Chẳng hạn, giá trị "bình đẳng" có thể thâm nhập vào những chuẩn mực trong các quan hệ giữa vợ – chồng, anh – em... nhưng mặt khác, chuẩn mực "giáo viên không được thiên vị khi cho điểm" trong trường hợp đặc thù có thể bao gồm các giá trị bình đẳng, trung thực, yêu thương...

Các giá trị sống với tư cách là những tiêu chuẩn để xác định cái gì đáng mong muốn đã đưa ra cơ sở cho sự chấp nhận hay từ chối những chuẩn mực riêng biệt.

Hoạt động 2: Tìm hiểu chuẩn mực xã hội và quan hệ của chuẩn mực xã hội với giá trị sống.

1. Nhiệm vụ

Bạn hãy trao đổi với đồng nghiệp và cho biết ý kiến của mình về chuẩn mực xã hội và quan hệ giữa chuẩn mực xã hội và giá trị sống.

Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây để hoàn thiện câu trả lời.

2. Thông tin phản hồi

Chuẩn mực chỉ những quy tắc chung về ứng xử xã hội có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận được. Tất cả các xã hội đều có chuẩn mực, tuy

chuẩn mực của mỗi xã hội có khác nhau. Chẳng hạn, ở một số vùng nông thôn Tây Phi, nếu một người lạ gõ cửa vào lúc nửa đêm thì chuẩn mực là phải mời người lạ đó vào nhà và mời người đó ăn, dọn chỗ cho người đó ngủ (cho dù có phải ngủ trên sàn nhà). Nhưng ở khu buôn bán ở Los Angeles, đáp lại lời gọi của lúc giữa đêm lại là hành động bực tức, không tiếp, không niềm nở...

Chuẩn mực đề ra những nguyên tắc chỉ đạo có thể "chấp nhận được" hoặc ứng xử thích đáng trong một tình huống có thể làm. Nó còn chứa đựng một khía cạnh về cái mọi người nên làm.

Các chuẩn mực không chỉ được áp dụng vào hành vi ứng xử. Ngay các xúc cảm cũng bị kiểm chế bởi các chuẩn mực. Chẳng hạn, khi ta tự nhủ "Ta không nên tức giận như vậy", cho thấy rằng, chúng ta đang so sánh cảm xúc của mình với một chuẩn mực nào đấy. Ví dụ này cũng cho thấy, chuẩn mực cũng như những đặc trưng khác của văn hoá, đi vào nhận thức của chúng ta bằng những con đường rất tinh vi.

Các chuẩn mực có sức đàn kết xã hội rất chặt chẽ. Có thể nhận ra bốn loại chuẩn mực, phụ thuộc vào mức độ tuân thủ mà chúng đòi hỏi; một là tập quán; hai là phong tục; ba là luật pháp; bốn là kiêng kỵ.

Tập quán là những tục lệ xã hội khiến mọi người tuân theo nhưng không chịu nhiều áp lực phải thực hiện. Ví dụ: đi bít tất giống nhau, mặc quần áo không có lỗ thủng, bắt tay khi có ai chìa tay ra. Việc vi phạm các tập quán thường không gây ra sự xúc phạm về tinh thần. Còn những người không chấp nhận những tập quán có thể được xem là những người tùy tiện, kì quặc, "dở hơi", nhưng không ai bị bắt giữ vì hành vi này của họ.

Phong tục là những chuẩn mực xã hội được tuân theo mạnh mẽ. Việc vi phạm phong tục gây nên sự xúc phạm về tinh thần. Việc một phụ nữ Việt Nam ăn mặc hở hang ra đường là vi phạm phong tục của người Việt. Vi phạm phong tục gây phản ứng mạnh mẽ trong công chúng. Có những vi phạm phong tục còn kéo theo sự trừng phạt về mặt luật pháp, vì đa số phong tục được viết thành luận chính thức.

Luật pháp là những chuẩn mực được tổ chức chính trị ban hành.

Kiên kỵ là tập quán xã hội bị cấm đoán mạnh mẽ. Nó là hình thức mạnh mẽ nhất của chuẩn mực xã hội. Ví dụ, kiêng kỵ loạn luân gần như là phổ biến nhất ở tất cả các nền văn hoá. Sự xuất hiện rộng rãi của kiêng kỵ này cho thấy, nó có thể đã phát triển từ rất sớm trong lịch sử nhân loại. Tuy nhiên, một cái gì bị kiêng kỵ không có nghĩa là nó không bao giờ xảy ra.

Các chuẩn mực xã hội được hỗ trợ bằng thưởng phạt. Kiểu thưởng phạt cũng giúp chúng ta phân biệt được tập quán và phong tục. Vi phạm tập quán thường chỉ bị xã hội phạt bằng cái lườm nguýt, không thiện cảm, bất bình, đàm tiếu... Phong tục thường được hỗ trợ bằng hình thức thưởng phạt chính thức. Kiêng kị có thể có những thưởng phạt chính thức hoặc không có.

Từ đó có thể thấy, chuẩn mực có nguồn gốc ăn sâu vào các giá trị xã hội. Chuẩn mực là sự áp dụng cụ thể các giá trị vào đời sống hàng ngày (giá trị sống). Giá trị sống là những tư tưởng bao quát chung cho mọi người về cái gì là tốt, cái gì là xấu, cái gì là đáng mong muốn, cái gì là không đáng mong muốn. Giá trị sống có tính chất khái quát hơn chuẩn mực ở chỗ, nó không quy định những ứng xử cụ thể cho những tình huống cụ thể. Trên thực tế, có những giá trị có thể hỗ trợ cho một số chuẩn mực khác nhau, thậm chí xung đột nhau. Ví dụ, người phụ nữ coi trọng gia đình có thể bị giằng xé giữa việc tích cực ở cơ quan với việc dành nhiều thời gian ở nhà chăm sóc gia đình. Cả hai cách ứng xử đều là những biểu hiện chuẩn mực của giá trị.

Hoạt động 3: Phân loại giá trị sống.

1. Nhiệm vụ

1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và kết hợp với kinh nghiệm của mình, tiến hành phân loại giá trị sống.

2) Bạn hãy tìm hiểu và đưa ra một số câu tục ngữ, ca dao thể hiện quan niệm về giá trị sống của ông, cha ta.

2. Thông tin phản hồi

Khái niệm giá trị sống thuộc phạm vi của khái niệm giá trị. Cũng có thể coi giá trị sống nằm trong khái niệm giá trị. Phạm vi bao quát của khái niệm giá trị khá rộng lớn, bao chứa trong nó nhiều khái niệm nhỏ, ví dụ giá trị văn hoá, giá trị nghề nghiệp, giá trị sống... Các giá trị này có sự giao thoa với nhau nên, một mặt, tiêu chí phân loại các giá trị sống không khác với các với tiêu chí phân loại các giá trị, mặt khác, ranh giới giữa các giá trị chỉ mang tính tương đối. Khi phân loại các giá trị, cần xác định mỗi giá trị trong một cấu trúc, một hệ thống thứ bậc, đồng thời chú ý tính đa dạng trong các biểu hiện sinh động của từng giá trị.

Các giá trị sống cốt lõi¹ của nhân loại bao gồm: hoà bình, tôn trọng, yêu thương, khoan dung, hạnh phúc, trách nhiệm, hợp tác, khiêm tốn, trung thực, giản dị, tự do, đoàn kết. Trong đó, hoà bình, tự do là hai giá trị sống chung; khoan dung, khiêm tốn, giản dị, trung thực, yêu thương, hạnh phúc là sáu giá trị thuộc phẩm cách của mỗi cá nhân; tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, trách nhiệm là bốn giá trị quan hệ liên nhân cách.

GS. Phạm Minh Hạc đề xuất phương án xây dựng hệ giá trị chung cho người Việt Nam hiện nay bao gồm:

- Các giá trị chung của loài người: chân, thiện, mỹ.
- Các giá trị toàn cầu: hoà bình, an ninh, hữu nghị, hợp tác, độc lập dân tộc, không xâm phạm chủ quyền.
- Các giá trị dân tộc: tinh thần dân tộc, yêu nước, Trách nhiệm cộng đồng.
- Các giá trị gia đình: hoà thuận, hiếu thảo, coi trọng giáo dục gia đình.
- Các giá trị của bản thân:
 - + Yêu nước.
 - + Dân chủ.
 - + Trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, gia đình và bản thân.
 - + Cần cù (chăm học, chăm làm).
 - + Khoa học (duy lý, nghề nghiệp, tác phong công nghiệp).
 - + Chính trực (trung thực, liêm khiết).
 - + Lương thiện (tôn trọng, yêu thương).
 - + Gia đình hoà thuận.
 - + Thích nghi và sáng tạo.
 - + Chí hướng, cầu tiến².

Trên nền tảng các giá trị chung này, các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học... có thể xây dựng cho riêng mình những thang giá trị riêng, vận dụng vào việc định hướng giá trị, giáo dục giá trị cho đơn vị của mình.

Giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở cần chú trọng tới những giá trị hướng tới các quan hệ tập thể, bản thân... Cũng cần lưu ý rằng, 5 Điều Bác Hồ dạy thiếu niên cũng hàm chứa những giá trị sống cơ bản dành cho thanh, thiếu niên hiện nay: yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, học tập, lao động, đoàn kết, kỉ luật, vệ sinh...

¹ Cũng gọi là giá trị phổ quát.

² Phạm Minh Hạc, *Giá trị học – Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr. 294 – 295.

Nội dung 2

VAI TRÒ VÀ MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

Hoạt động 1: Tìm hiểu vai trò của giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông.

1. Nhiệm vụ

Theo bạn, giáo dục giá trị sống có vai trò như thế nào đối với học sinh?

Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để hoàn thiện câu trả lời.

2. Thông tin phản hồi

Bên cạnh việc học kiến thức, học sinh trung học cơ sở cũng cần biết cách ứng phó trước tình huống, quản lý cảm xúc, học cách giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh; học cách để giải quyết mâu thuẫn, tốt nhất; biết thể hiện bản thân một cách tích cực, lành mạnh. Đặc biệt, học sinh trung học cơ sở cần nhận biết và có thể ứng phó tích cực nhất khi phải đối mặt trước những tình huống thử thách, của môi trường sống tiêu cực.

Muốn vậy, học sinh cần có nền tảng giá trị sống vững chắc. Không có nền tảng giá trị sống vững chắc, học sinh trung học cơ sở sẽ không biết cách tôn trọng bản thân và người khác, không biết cách hợp tác, không biết cách xây dựng và duy trì tình đoàn kết, không biết cách thích ứng trước những đổi thay, hoặc có khi còn tỏ ra ích kỷ, ngạo mạn. Không có nền tảng giá trị sống vững chắc, học sinh trung học cơ sở rất dễ bị ảnh hưởng bởi những giá trị vật chất, rồi sớm muộn cũng định hình chúng thành mục đích sống, đôi khi đưa đến những toan tính vị kỷ, lối sống thực dụng. Có nền tảng giá trị sống vững chắc, học sinh trung học cơ sở sẽ không sa đà vào những thú vui vật chất tầm thường mà biết sống hướng thượng, biết hướng tới những giá trị nhân văn cao cả, tự cảm thấy bản thân có nghĩa vụ, có đủ khả năng tạo dựng một cuộc sống cho bản thân mình và thế giới xung quanh trở nên tốt đẹp hơn. Những giá trị sống tích cực là nền móng vững chắc giúp các em ổn định, vững vàng giữa những giông bão của cuộc đời. Nền tảng giá trị sống vững vàng chắc chắn là động lực để khuyến khích các em khám phá, tìm hiểu và phát triển các giá trị cũng như những kĩ năng sống, thái độ sống, nhằm giúp họ phát huy hết tiềm năng sẵn có của mình.

Dạy các học sinh trung học cơ sở về giá trị sống đã khó, khuyến khích các em tự thực hành sống, học tập, lao động theo những giá trị đó còn khó hơn. Nếu chỉ dạy và thảo luận về giá trị thôi thì chưa đủ, cần trang bị cho các em có các kĩ năng để ứng dụng giá trị vào thực tế. Các em rất cần được trải nghiệm cảm giác tích cực có được từ giá trị, thấy được kết quả của hành vi ứng xử theo chuẩn giá trị.

Do vậy, giáo viên cần động viên, khích lệ, ủng hộ, quan tâm tạo mọi điều kiện để các em có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng của mình.

Học sinh trung học cơ sở là lứa tuổi rất ham tìm tòi, ham khám phá, ham thực hành. Đây là điều kiện thuận lợi để giáo viên gợi mở, hướng dẫn các em ứng dụng những hành vi trên nền tảng giá trị sống vào cuộc sống, chia sẻ chúng với gia đình, xã hội.

Bên cạnh việc khuyến khích các em thường xuyên thực hành, ứng dụng các kĩ năng sống dựa trên những nền tảng giá trị đó để trải nghiệm, nhận thức các kết quả đối với bản thân và xã hội, cũng cần khuyến khích các em xem xét, đánh giá hành động của cá nhân này đối với cá nhân khác hoặc với cộng đồng.

Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông có giá trị như sau:

- Cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng để phát triển và hoàn thiện học sinh một cách toàn diện, bao gồm thể chất, tinh thần, cảm xúc và vai trò xã hội.
- Tạo động cơ, xây dựng tinh thần trách nhiệm cho học sinh trước những lựa chọn giá trị theo hướng tích cực cho bản thân và xã hội.
- Khuyến khích, truyền cảm hứng cho học sinh thực hiện những lựa chọn giá trị theo hướng tích cực của bản thân đem lại những lợi ích cho bản thân và xã hội.

Hoạt động 2: Tìm hiểu mục tiêu của việc giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông.

1. Nhiệm vụ

1) Bạn hãy nêu những mục tiêu của việc giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông.

2) Bạn hãy nêu ý nghĩa của việc giáo dục giá trị sống trong nhà trường phổ thông.

3) Thực trạng của việc giáo dục giá trị sống tại trường bạn như thế nào?
Bạn hãy đề xuất giải pháp của mình.

Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để hoàn thiện câu trả lời.

2. Thông tin phản hồi

Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông có mục tiêu như sau:

- * Về kiến thức:
 - Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung của giá trị sống, tạo hứng thú trong việc khám phá các giá trị theo nhiều hình thức khác nhau.

- Giúp học sinh nhận biết các giá trị của bản thân, của mọi người và của thế giới.
- Giúp học sinh nhận biết tác động của những hành vi, ứng xử tiêu cực và tích cực trong các hành vi giao tiếp.
- * *Về kĩ năng:*
 - Biết đánh giá những hành vi ứng xử và những giá trị tích cực cũng như tiêu cực.
 - Ứng xử theo các giá trị đã được khám phá trong quá trình giao tiếp.
 - Phát triển kĩ năng ra quyết định chọn lựa các giá trị tích cực.
 - Biết thể hiện một cách sáng tạo, cảm nhận các giá trị qua nhiều hình thức khác nhau.
 - Áp dụng các phương pháp tích cực giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng.
- * *Về thái độ:*
 - Nâng cao lòng tự trọng, tự tin khẳng định những giá trị tích cực của bản thân và tôn trọng các giá trị của người khác.
 - Mở rộng lòng khoan dung, phát triển khả năng cảm nhận và trân trọng người khác và các nền văn hoá khác.
 - Thể hiện tinh thần trách nhiệm của bản thân với xã hội và môi trường xung quanh.

Nội dung 3

NỘI DUNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH

Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của hoà bình.

1. Nhiệm vụ

Bạn hiểu hoà bình là thế nào?

Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để hoàn thiện câu trả lời.

2. Thông tin phản hồi

- Hoà bình là trạng thái yên tĩnh không có chiến tranh¹.
- Hoà bình không chỉ là sự vắng bóng của chiến tranh. Hoà bình cần phải bắt nguồn từ mỗi người chúng ta. Thông qua việc suy ngẫm lặng lẽ và nghiêm túc về ý nghĩa của hoà bình, những cách thức mới mẻ và sáng tạo có thể được phát hiện để nuôi dưỡng sự hiểu biết, tình bạn và tình thân hợp tác giữa các dân tộc.² Hoà bình của thế giới chỉ có được khi mỗi cá nhân trong thế giới đó đều có được sự bình yên trong tâm hồn. Bình yên là trạng thái tinh thần điềm tĩnh, thư giãn, thanh thản cùng với sức mạnh của chân lí. Bình yên có được khi động cơ của tư tưởng, tình cảm, ước muốn trong sáng. Để sống trong bình yên cần có lòng trắc ẩn và sức mạnh từ nội tâm. Nền hoà bình của thế giới chỉ có thể duy trì trong một bầu không khí phi bạo lực, biết lắng nghe, có sự công bằng và đối thoại trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau.

Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của tôn trọng

1. Nhiệm vụ

- 1) Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để nêu những nội dung cơ bản của tôn trọng.

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.309.

² Phát biểu của cựu Tổng Thư kí Liên hợp quốc – Javier Perez de Cullera.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về tôn trọng.

3) Để giáo dục về tôn trọng có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Tôn trọng: là sự coi trọng, quý mến; là việc tuân thủ, không coi thường.¹
- Tôn trọng là nói về những phẩm chất của cá nhân. Bẩm sinh con người vốn là quý giá. Tôn trọng hiểu theo hai mối quan hệ. Quan hệ thứ nhất là đối với chính bản thân mình. Đó là sự nhận biết về những phẩm chất vốn có của mình, biết giá trị của bản thân, từ đó xây dựng sự tự tin, sống có nhân phẩm. Quan hệ thứ hai là đối với người khác, khi biết giá trị của bản thân thì sẽ biết giá trị của người khác, khi tôn trọng những phẩm chất vốn có của bản thân mình thì cũng phải tôn trọng người khác. Ngược lại, khi bản thân đã biết tôn trọng người khác thì cũng cần tôn trọng những giá trị, phẩm chất của chính mình. Nếu thiếu tôn trọng bản thân thì cũng dễ nhận được sự thiếu tôn trọng của người khác. Tự trọng phải gắn liền với trí tuệ và công bằng, chính trực, nhờ đó con người mới biết đối xử tốt với người khác.

Hoạt động 3: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của yêu thương.

1. Nhiệm vụ

- 1) Bạn hãy tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để nêu những nội dung cơ bản của sự yêu thương.

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.762.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về yêu thương.

3) Để giáo dục về lòng yêu thương, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Yêu thương là cô tình cảm gắn bó tha thiết và hết lòng quan tâm, chăm sóc.¹
- Yêu thương là quy luật tự nhiên trong một thế giới tốt đẹp. Yêu thương là nền tảng tạo dựng và nuôi dưỡng các mối quan hệ một cách chân thành và bền vững nhất. Yêu thương bao hàm những ước muốn, những đam mê, sự hưng phấn đối với một người, một vật và cao cả hơn là tình yêu đối với quê hương, đất nước, với nhân loại. Yêu thương gắn với lòng trắc ẩn, quan tâm, thông cảm với người khác. Yêu thương là ý thức về sự hoàn thiện bản thân. Yêu thương tạo dựng niềm tin vào người khác, nhìn nhận người khác theo cách tích cực. Trong yêu thương không có sự thiên vị, tình yêu thương cần được lan toả đến tất cả mọi người.²

Hoạt động 4: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của khoan dung.

1. Nhiệm vụ

- 1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để phân tích nội dung của khoan dung.

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.877.

² Dianne Tillmen, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr.145.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về khoan dung.

3) Để giáo dục về khoan dung có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Khoan dung là sự rộng lượng tha thứ cho người phạm lỗi lầm.¹
- Khoan dung là con đường đi đến hoà bình. Khoan dung là sự cởi mở và nhận ra vẻ đẹp của những điều khác biệt.² Khoan dung dựa trên nền tảng yêu thương và tôn trọng. Nhờ tôn trọng mà chúng ta xoá bỏ được các định kiến thừa nhận cá tính và sự đa dạng của con người. Nhờ yêu thương khoan dung mới nảy sinh. Khoan dung giúp con người biết trân trọng các giá trị của người khác, giảm bớt các gánh nặng tinh thần, thu hút mọi người đến gần với nhau hơn. Thiếu hiểu biết, sợ hãi, giận dữ, sẽ thiếu khoan dung. Khoan dung cũng là biết cho qua những điều không thuận lợi trong cuộc sống; chia sẻ, thông cảm, giúp cho người khác cảm thấy thanh thản.

Hoạt động 5: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của hạnh phúc.

1. Nhiệm vụ

- 1) Dựa vào hiểu biết của mình, tham khảo thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp, bạn hãy nêu những nội dung của hạnh phúc.

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.342.

² Dianne Tillmen, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr.181.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về hạnh phúc.

3) Để giáo dục về hạnh phúc có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Hạnh phúc là trạng thái sung sướng do thoả mãn được ý nguyện trong cuộc sống.
- Hạnh phúc là trạng thái bình an, mãn nguyện, hài lòng trong tâm hồn. Hạnh phúc có được khi ta biết nuôi dưỡng thái độ và hành vi trong sáng và tấm lòng bao dung, vị tha. Hạnh phúc chỉ đến với những ai sống có niềm tin và sống có mục đích. Người đem đến hạnh phúc cho người khác là người được nhận được nhiều hạnh phúc. Hạnh phúc sẽ bị mai một nếu ta không biết hài lòng với những gì mình có.

Hoạt động 6: Tìm hiểu nội dung của trách nhiệm.

1. Nhiệm vụ

1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để chỉ ra những nội dung của trách nhiệm.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về trách nhiệm.

3) Để giáo dục về trách nhiệm, có thể soạn giáo án hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Trách nhiệm là điều phải làm, phải gánh vác hoặc phải nhận lấy về mình.¹
- Trách nhiệm nói lên một đặc trưng của nhân cách trong việc thực hiện nghĩa vụ do xã hội đề ra. Nếu nghĩa vụ đặt ra cho con người vấn đề nhận thức và thực hiện những yêu cầu của xã hội, thì vấn đề trách nhiệm là ở chỗ con người hoàn thành và hoàn thành đến mức nào hoặc không hoàn thành những yêu cầu ấy. Trách nhiệm là sự tương xứng giữa hoạt động với nghĩa vụ, là hệ quả của tự do ý chí của con người, là đặc trưng cho hoạt động có ý thức của con người. Con người ngày càng nhận thức được quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội. Khi năng lực chi phối tự nhiên, xã hội của con người lớn lên thì trách nhiệm của con người đối với hành vi của mình cũng lớn lên. Về mặt pháp lí, việc xem xét trách nhiệm cá nhân phải xuất phát từ sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ: Quyền lợi thường đi đôi với trách nhiệm, quyền càng rộng thì trách nhiệm càng lớn.²
- Trách nhiệm là chấp nhận những đòi hỏi và thực hiện nhiệm vụ với khả năng tốt nhất của mình. Người có trách nhiệm là người luôn thực hiện bổn phận được giao đúng theo mục tiêu đề ra và tiến hành nhiệm vụ ấy

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.767.

² *Bách khoa toàn thư Việt Nam*.

với lòng chính trực, thiện chí và luôn ý thức về việc mình làm¹. Trách nhiệm không phải là điều gì đó ràng buộc với chúng ta, nhưng nó tạo điều kiện để ta có thể đạt được những gì ta mong muốn. Mỗi người có thể thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với toàn cầu bằng cách tôn trọng toàn thể nhân loại. Nếu chúng ta muốn được hoà bình thì trách nhiệm của chúng ta là phải sống bình yên. Nếu chúng ta muốn có một môi trường sống trong lành, chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên.

Hoạt động 7: Tìm hiểu nội dung của sự hợp tác.

1. Nhiệm vụ

1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để nêu lên những nội dung của sự hợp tác.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về sự hợp tác.

¹ Dianne Tillmen, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr.309.

3) Để giáo dục về sự hợp tác có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Hợp tác là sự chung sức, trợ giúp qua lại với nhau.¹
- Hợp tác là sự làm việc cùng nhau vì mục đích chung. Hợp tác cũng là sự chia sẻ, đôi khi ta đưa ra ý tưởng, nhưng cũng có lúc ta phải gác qua một bên ý tưởng của mình. Lúc này, ta giữ vai trò lãnh đạo, lúc khác, ta cũng cần tuân theo.² Để hợp tác, cần có sự trân trọng giá trị và sự đóng góp của mỗi thành viên. Người có tinh thần hợp tác sẽ nhận được sự hợp tác. Hợp tác là sự sẵn sàng mang đến những điều tốt đẹp nhất đến với mọi người cũng như công việc. Hợp tác đối lập với bất hợp tác.

Hoạt động 8: Tìm hiểu nội dung của sự khiêm tốn.

1. Nhiệm vụ

1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để nêu lên những nội dung của sự khiêm tốn.

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.320.

² Dianne Tillmen, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr.255.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về sự khiêm tốn.

3) Để giáo dục về khiêm tốn có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Khiêm tốn là không đánh giá quá cao bản thân, không tự kiêu, tự mãn.¹
- Khiêm tốn là biết lắng nghe và chấp nhận quan điểm của người khác.² Khiêm tốn được dựa trên lòng tự trọng. Tự trọng giúp ta nhận thức rõ giá trị của bản thân và của người khác. Khiêm tốn đối lập với kiêu ngạo. Khi lòng tự trọng bị thái quá sẽ dễ dàng trở nên kiêu ngạo. Khi kiêu ngạo, năng lực nhận thức, kĩ năng đánh giá, sự trân trọng phẩm giá của người khác sẽ bị huỷ hoại. Khiêm tốn là tự tin vào phẩm giá của bản thân, nhờ đó giữ gìn được sức mạnh của nội tâm, sẵn sàng đón nhận thử thách, sẵn sàng cởi mở tâm trí để đón nhận sự khác biệt.

Hoạt động 9: Tìm hiểu nội dung của trung thực.

1. Nhiệm vụ

1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để nêu lên những nội dung của sự trung thực.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về sự trung thực.

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.339.

² Dianne Tillmen, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr.231.

3) Để giáo dục về trung thực có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Trung thực là sự ngay thẳng, thật thà; đúng như vốn có.¹
- Trung thực là khả năng nhận thức được những điều đúng đắn và thoả đáng trong vai trò, hành vi và các mối quan hệ của một người.² Trung thực là nói và làm những điều đúng đắn, là sự nhất quán trong lời nói và việc làm. Trung thực là cơ sở để tạo dựng niềm tin trong tình bạn và trong các mối quan hệ xã hội. Trung thực đem đến sự thanh thản trong tâm hồn. Trung thực đối lập với gian trá. Trung thực đòi hỏi lòng dũng cảm. Đôi khi lòng tham là gốc rễ của sự thiếu trung thực. Trung thực không có nghĩa là tiết lộ mọi thông tin cá nhân cho người khác biết.

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.788.

² Dianne Tillmen, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr.209.

Hoạt động 10: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của giản dị.

1. Nhiệm vụ

1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để nêu những nội dung của sự giản dị.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về sự giản dị.

3) Để giáo dục sự giản dị, có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Giản dị là đơn giản, bình dị, không phức tạp.¹
- Giản dị là nếp sống tự nhiên, đơn giản và thoải mái, không cầu kì, xa hoa, cách sống phù hợp với hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh cá nhân. Giản dị là sống với hiện tại và không làm mọi việc trở nên phức tạp. Một người giản dị là người có cách giải quyết sự việc nhanh chóng, cần thiết, không dây dưa, không yêu cầu điều gì thái quá. Người có tính giản dị thường sống tiết kiệm, tối đa hoá các nguồn lực; nhìn nhận sự việc đúng mức, không quan trọng hoá vấn đề. Giản dị là biết học tập những điều thông thái từ chính quê hương, đất nước mình; biết trân trọng những điều nhỏ bé, bình thường trong cuộc sống; biết tận hưởng niềm vui với một tinh thần và trí tuệ mộc mạc ngay thẳng. Tính giản dị làm khơi dậy bản năng, tiếng nói của trực giác và hiểu biết sâu xa để giúp ta có những ý nghĩ tinh tế và cảm xúc đồng cảm.²
- Giản dị rất cần thiết trong cuộc sống. Nhờ giản dị mà người ta biết trân trọng những vẻ đẹp tiềm ẩn và giá trị của tất cả mọi người. Tính giản dị khiến ta tiết kiệm thời gian, không mất thời gian vào các việc vô bổ mà cầu kì. Tính giản dị khiến mọi người xung quanh tôn trọng ta. Giản dị giúp ta trở nên một con người biết cách xử sự, ta trở nên gần gũi, chan hoà với cuộc sống, với mọi người xung quanh.

Hoạt động 11: Tìm hiểu nội dung của tự do.

1. Nhiệm vụ

- 1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để nêu những nội dung của tự do.

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.281.

² Dianne Tillmen, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr.327.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát.. có nội dung về tự do.

3) Để giáo dục về tự do có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Tự do là quyền sống và hoạt động xã hội theo ý nguyện của mình, không bị cấm đoán ràng buộc, xâm phạm.¹
- Tự do chỉ khả năng biểu hiện ý chí, làm theo ý muốn con người, trên cơ sở nhận thức được quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội. Tự do là trạng thái một dân tộc, một xã hội và các thành viên không bị cấm đoán, hạn chế vô lí trong các hoạt động xã hội – chính trị như dưới các chế độ

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.803.

thực dân, chuyên chế, độc tài: đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc, các quyền tự do dân chủ. Con người chỉ thực sự được tự do khi các quyền được cân bằng với trách nhiệm. Cho nên, tự do không có nghĩa là không có giới hạn. Tự do nội tâm là được giải phóng khỏi những nhầm lẫn và phức tạp trong trí tuệ. Chỉ có thể trải nghiệm tự do nội tâm khi có những suy nghĩ tích cực về tất cả mọi người.

Hoạt động 12: Tìm hiểu nội dung và biểu hiện của đoàn kết.

1. Nhiệm vụ

1) Bạn hãy đọc thông tin dưới đây và trao đổi với đồng nghiệp để nêu những nội dung của đoàn kết.

2) Bạn hãy kể tên một số câu chuyện, bài thơ, bài hát... có nội dung về đoàn kết.

3) Để giáo dục về đoàn kết có thể soạn giáo án, hoặc thiết kế hoạt động như thế nào? Bạn hãy thực hiện 1 – 2 bài theo ý kiến của mình.

2. Thông tin phản hồi

- Đoàn kết là thống nhất ý chí, không mâu thuẫn, chống đối nhau.¹
- Đoàn kết là kết thành một khối thống nhất, cùng hoạt động vì một mục đích chung. Đoàn kết là sự hài hoà bên trong mỗi người và giữa các cá nhân trong cùng một nhóm. Tinh đoàn kết được xây dựng từ thái độ vô vị lợi, bình đẳng và sự tôn trọng lẫn nhau. Đoàn kết mang đến tinh thần hợp tác, nâng cao lòng nhiệt tình đối với công việc và làm cho bầu không khí trở nên ấm áp, cả tập thể sẽ gắn bó bền chặt, theo đó hiệu quả công việc được nâng cao.²

Trên đây là 12 giá trị sống phổ quát nhất của nhân loại. Chúng được xây dựng dựa trên ba mối quan hệ: một là quan hệ với bản thân, hai là quan hệ với mọi người xung quanh, ba là quan hệ với xã hội và thế giới.

Giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở cần hướng tới việc hoàn thiện các giá trị nhân cách công dân mới và giá trị nhân cách cho người học. Cụ thể xem hai bảng sau:

¹ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt căn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.284.

² Dianne Tillmen, *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009, tr.371.

19 giá trị nhân cách công dân mới¹

| TT | Nội dung | Mức độ cần thiết với học sinh trung học cơ sở | | |
|----|--|---|-----|----------|
| | | Rất cần | Cần | Chưa cần |
| 1 | Quyền và nghĩa vụ học tập | x | | |
| 2 | Quyền và nghĩa vụ lao động | x | | |
| 3 | Quyền có nhà ở | | x | |
| 4 | Quyền được bảo vệ sức khỏe | | x | |
| 5 | Quyền bảo hiểm xã hội | | x | |
| 6 | Quyền được nghỉ ngơi (của người lao động) | | | x |
| 7 | Quyền bình đẳng trước pháp luật | | x | |
| 8 | Quyền tham gia quản lí công việc của nhà nước và xã hội | | | x |
| 9 | Quyền bình đẳng nam - nữ | | x | |
| 10 | Quyền tự do ngôn luận | | | x |
| 11 | Quyền tác giả | | | x |
| 12 | Quyền tự do tín ngưỡng | | | x |
| 13 | Quyền dân chủ | | x | |
| 14 | Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc | | x | |
| 15 | Nghĩa vụ lao động (tích cực, sáng tạo và tự giác xây dựng Tổ quốc) | | x | |
| 16 | Nghĩa vụ quân sự (tích cực và tự giác bảo vệ Tổ quốc) | | x | |
| 17 | Nghĩa vụ bảo vệ môi trường | x | | |
| 18 | Nghĩa vụ chống tệ nạn xã hội | x | | |
| 19 | Nghĩa vụ làm từ thiện | x | | |

¹ Lục Thị Nga, *Hiệu trưởng trường trung học cơ sở với vấn đề giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lí*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011, tr.36 – 37.

18 giá trị nhân cách người học

| TT | Nội dung | Mức độ cần thiết đối với học sinh trung học cơ sở | | |
|----|---|---|-----|----------|
| | | Rất cần | Cần | Chưa cần |
| 1 | Có nhu cầu học tập | x | | |
| 2 | Có hứng thú học tập | x | | |
| 3 | Học tập có định hướng đầy đủ (vì bản thân, vì gia đình, vì xã hội) | | x | |
| 4 | Học tập có định hướng nghề nghiệp cụ thể cho từng môn học, bài học | | x | |
| 5 | Học tập có hội trường tích cực | x | | |
| 6 | Học tập có hội tụ kiến thức từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau (bài giảng của thầy cô, sách giáo khoa, sách tham khảo, thông tin trên internet...) | | x | |
| 7 | Học tập có đặt câu hỏi để hiểu đúng, hiểu sâu kiến thức | x | | |
| 8 | Học tập có đặt câu hỏi để hiểu có phê phán kiến thức | x | | |
| 9 | Học tập có thực hành kiến thức (kĩ năng) đã học | x | | |
| 10 | Học tập có thực hành kiến thức thường xuyên trong thực tế theo nhiều cách khác nhau | | x | |
| 11 | Học tập một cách trung thực (trong kiểm tra, thi...) | x | | |
| 12 | Quan tâm đến việc học tập của bạn học | x | | |
| 13 | Quan tâm đến tập thể lớp, tổ... tham gia làm lãnh đạo tổ, lớp | x | | |
| 14 | Tận dụng thời gian học tập | x | | |
| 15 | Không nghiện game, rượu, bia, thuốc lá, ma túy | x | | |
| 16 | Kính trọng, yêu quý thầy, cô giáo | x | | |
| 17 | Tiết kiệm (nước, điện, đồ dùng, chi tiêu...) | x | | |
| 18 | Giữ vệ sinh chung và cá nhân | x | | |

Trong khi đó, GS.VS. Phạm Minh Hạc đề xuất 10 giá trị sống cơ bản cần hình thành cho con người Việt Nam trong đó có thanh thiếu niên như sau:

- Lòng yêu nước và tinh thần dân tộc.
- Trách nhiệm với cộng đồng.
- Dân chủ.
- Hợp tác.
- Chăm học, chăm làm.
- Khoa học, tác phong công nghiệp.
- Chính trực: Chân thật, đúng đắn, liêm khiết.
- Lương thiện.
- Hiếu thảo.
- Sáng tạo.

Nội dung 4

PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ QUA CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh trong nhà trường trung học cơ sở.

1. Nhiệm vụ

1) Theo bạn, giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở cần theo các phương pháp như thế nào?

2) Bạn hãy đề xuất một phương án giáo dục một giá trị sống nào đó có sự phối hợp liên môn.

3) Bạn hãy liệt kê các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có thể kết hợp với các hoạt động giáo dục giá trị sống.

2. Thông tin phản hồi

2.1. Các cấp tiếp cận giá trị

Theo lí luận giáo dục, tiếp cận giá trị trải qua các các bước, các cấp độ sau đây:

- * **Cấp độ nhận thức, thể hiện ở hai mức độ:**
 - **Mức độ biết:** Thể hiện ở mức độ giới hạn về các khái niệm, các sự kiện và thuật ngữ. Nên cần phải chuyển sang mức độ hiểu sâu hơn về bản chất bên trong của các khái niệm, sự kiện cũng như ý nghĩa của việc nắm được các khái niệm, các chuẩn mực, quy tắc... thể hiện các giá trị đó.
 - **Mức độ hiểu:** Mức độ này thể hiện sự hiểu sâu bản chất của giá trị để có thể thể hiện bằng hành vi phù hợp.

Trong quá trình thảo luận cần đảm bảo rằng: học sinh không chỉ biết được các giá trị mà còn cần hiểu được bản chất của các giá trị và các hình thái thể hiện của nó trong cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên, đồng thời còn cần hiểu được cơ sở khoa học của hệ thống giá trị.

- * **Cấp độ tình cảm:** Nếu chỉ có biết và hiểu thì chưa đảm bảo những giá trị, những yêu cầu, những chuẩn mực được nội tâm hoá và tích hợp với hệ thống vốn kinh nghiệm đã có để trở thành tài sản riêng của mỗi cá nhân. Bước này đảm bảo các giá trị được cá nhân lựa chọn qua kinh nghiệm, được suy ngẫm và được khẳng định, được nuôi dưỡng trở thành động cơ của hành vi, mục tiêu và lí tưởng của cuộc sống. Giá trị được nội tâm hoá là các giá trị được lựa chọn một cách tự nguyện thông qua các cách lựa chọn, đánh giá khác nhau nhờ cọ xát các ý kiến trong quá trình thảo luận và trải nghiệm thực tiễn từ những tấm gương thầy cô giáo của mình.
- * **Cấp độ hành động:** Các giá trị được nội tâm hoá sẽ dẫn tới định hướng cho hành vi của cá nhân. Trên cơ sở nội tâm hoá các giá trị, yêu cầu đạo đức mỗi học sinh viên có những tình cảm tích cực, ý thức được trách nhiệm của mình trong cuộc sống và tu dưỡng để trở thành công dân tương lai và có những hành vi phù hợp trong cuộc sống. Điều này có thể diễn ra một cách tự nhiên, nhưng cần thiết phải được trải nghiệm các giá trị và rèn luyện qua hoạt động thực tiễn.

Các cấp độ theo cách tiếp cận giá trị có thể tuân theo logic trên, nhưng cũng có thể thay đổi trật tự và đan xen nhau một cách biện chứng.

Cơ chế tiếp nhận giá trị nêu trên cần được quan tâm khi tổ chức giáo dục giá trị cho học sinh để đồng thời học sinh vừa có hiểu biết về các giá trị

và hệ thống các chuẩn mực hành vi vừa có tình cảm và niềm tin vào sự cần thiết và ý nghĩa của nó. Từ đó, học sinh có niềm tin vào các giá trị sống, có định hướng, kiểm soát được hành vi của mình trong hiện tại và tương lai.

Giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học cơ sở cần có sự kết hợp nhiều hình thức và phương pháp truyền đạt, tạo sự sinh động, hấp dẫn các em học sinh tham gia. Do vậy, giáo viên cần có sự đầu tư thời gian, công sức, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để tạo ra những bài giảng, hoạt động giáo dục giá trị sống cho phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

2.2. Phương pháp giáo dục giá trị của Chương trình giáo dục giá trị sống¹ (LVEP – Living Values Education Program)

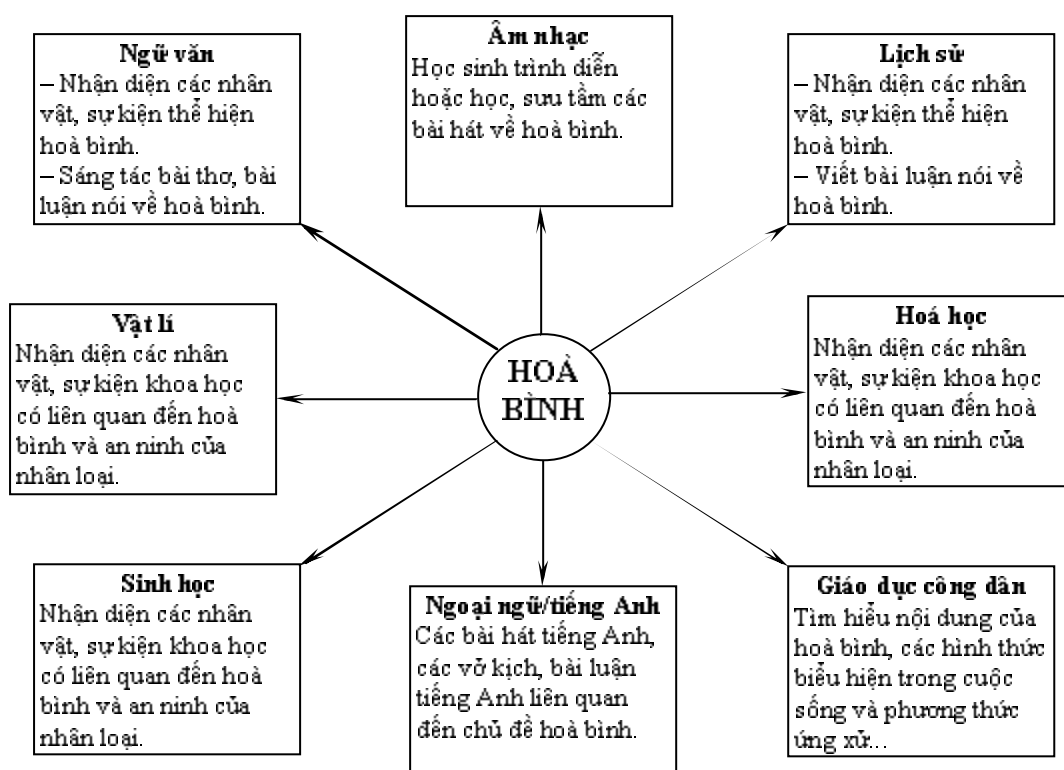
* *Kết hợp giáo dục giá trị sống vào chương trình học hiện hành:*

Chương trình học quá tải không cho phép việc giáo dục giá trị sống thành một môn học riêng. Do đó, chỉ có thể kết hợp hoạt động giáo dục giá trị sống với một số môn học và hoạt động giáo dục như môn Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, Thể dục và các môn liên quan đến nghệ thuật như Âm nhạc, Hội họa. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có một ưu thế riêng cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống. Các môn khoa học xã hội có ưu thế trong kết hợp giáo dục giá trị sống. Tuy nhiên, trong một số đơn vị kiến thức của môn Vật lý, Sinh học, Hoá học cũng có thể kết hợp giáo dục giá trị sống.

Chẳng hạn, khi dạy bài *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*, chương trình Ngữ văn lớp 9, giáo viên hoàn toàn có thể kết hợp giáo dục giá trị hoà bình cho các em học sinh thông qua thông điệp mà tác giả gửi đến nhân loại, như nguy cơ của sự huỷ diệt nhân loại, sự phi lý và tốn kém của cuộc chạy đua vũ trang và nhiệm vụ ngăn chặn, xoá bỏ nguy cơ này của nhân loại...

Ngoài ra, sự phối hợp liên môn để dạy các giá trị cũng là một hình thức tốt để khắc sâu kiến thức cho học sinh. Ví dụ: hoà bình sẽ được kết hợp dạy thông qua các môn theo sơ đồ sau:

¹ Chương trình giáo dục giá trị sống (LVEP) là một chương trình giáo dục về giá trị. Chương trình này đưa ra một loạt các hoạt động mang tính trải nghiệm và các phương pháp thực hành dành cho giáo viên và người hướng dẫn nhằm giúp thanh thiếu niên có điều kiện khám phá và phát triển 12 giá trị căn bản. LVEP là một tổ chức phi lợi nhuận, được UNESCO ủng hộ và được Ủy ban Quốc gia về UNICEF của Tây Ban Nha, Tổ chức Hành tinh, Tổ chức Brahma Kumaris bảo trợ với sự cố vấn của nhóm chuyên gia giáo dục UNICEF (New York).



Điều này cũng đòi hỏi sự kết hợp của nhiều giáo viên ở các bộ môn khác nhau.

Tuy nhiên, khi lồng ghép giáo dục giá trị sống vào các môn học, cần lưu ý một số điểm sau:

Một là, tránh sự lồng ghép khiến cứng. Không phải bài học nào của môn Lịch sử, Ngữ văn, Giáo dục công dân cũng có thể kết hợp giáo dục giá trị sống được. Mỗi đơn vị kiến thức trong chương trình môn học có tính độc lập, có thể có một số đơn vị có sự giao thoa với nội dung liên quan đến nội hàm của các giá trị sống, nhưng cũng có nhiều đơn vị kiến thức không có liên quan. Do đó, giáo viên cần có sự cân nhắc, suy nghĩ thấu đáo trước mỗi sự lồng ghép, kết hợp.

Hai là, tránh nhồi nhét. Giáo dục giá trị sống không phải là việc làm ngày một ngày hai, làm cho xong trong một thời gian ngắn, mà nó cần được giáo dục sao cho học sinh có đủ thời gian để suy ngẫm, trải nghiệm, thực hành và luôn được lặp lại trong suốt quá trình học tập. Do đó, để tránh mất thời gian cũng như lựa chọn đơn vị bài học phù hợp, thì chỉ cần kết

hợp giáo dục giá trị sống với thời lượng 1 – 2 tiết/tuần với tất cả các môn và hoạt động giáo dục là vừa phải.

* *Đa dạng các hoạt động:*

Bên cạnh việc kết hợp giáo dục giá trị vào các môn học và hoạt động giáo dục, LVEP còn đề xuất một số loại hoạt động khác nhằm giúp học sinh có thêm các cơ hội để trải nghiệm về các giá trị, phát huy và thực hành các kỹ năng xã hội để ứng dụng các kiến thức về giá trị vào thực tế cuộc sống. Đó là các hoạt động:

- Suy ngẫm: Hoạt động này nhằm giúp học sinh tập trung tư duy vào một điểm nào đó trong bài học đã được gọi mở, suy ngẫm về những biểu hiện của giá trị trong bài học, từ đó giúp học sinh hiểu rõ hơn về nội hàm của giá trị, hơn thế còn mở rộng, bổ sung nghĩa cho giá trị. Ví dụ, khi dạy bài *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình*, chương trình Ngữ văn lớp 9, giáo viên có thể gọi cho học sinh suy ngẫm về những hậu quả khủng khiếp mà hai quả bom nguyên tử gây ra cho nhân dân Nhật Bản sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc: Tại sao quân đội Mỹ lại thả hai quả bom này khi mà đế quốc Nhật đã đầu hàng Đồng minh? Quân đội Mỹ có thể không thả hai quả bom này không?... Cuối cùng, giáo viên đề nghị các em phát biểu suy nghĩ của mình về ý nghĩa của hoà bình.
- Tưởng tượng: nếu như suy ngẫm là hoạt động tập trung tư duy nghĩ về một vấn đề nào đó đã được giáo viên gọi mở, thì tưởng tượng lại là hoạt động cho tư duy hoàn toàn tự do, hình dung về những biểu hiện của giá trị trong cuộc sống hằng ngày của các em. Hoạt động tưởng tượng rất tốt cho cả những học sinh hiếu động, thích sáng tạo, lẫn những học sinh thụ động. Trong hoạt động tưởng tượng, giáo viên cần định hướng cho các em và tôn trọng những ý tưởng riêng của các em. Ví dụ: khi dạy đến bài *Nói với con*, chương trình Ngữ văn lớp 9, giáo viên cho mỗi em hình dung về tình yêu thương theo cách riêng của mình. Giáo viên có thể định hướng cho các em tưởng tượng về tình yêu của cha mẹ, tình yêu của bản thân đối với những người xung quanh, với xóm làng, với thiên nhiên quê hương, đất nước... Cũng có những học sinh do hoàn cảnh gia đình khó khăn, rạn nứt, tan vỡ... các em sẽ mặc cảm, tự ti hoặc có những phát biểu tiêu cực, giáo viên cần có thái độ trân trọng, chia sẻ.
- Thư giãn/tập trung: hoạt động không mang tính bắt buộc, nhưng khuyến khích các em thả lỏng cơ thể, thả lỏng tư duy để tự bản thân cảm nhận giá trị. Ví dụ: giáo viên có thể gợi ý cho các em biết cách giữ im lặng để cảm nhận sự bình yên trong tâm hồn, cũng có thể gợi cho các em nhớ lại những

khoảnh khắc nào đó các em cảm thấy tâm hồn được bình yên nhất, hoặc một nơi nào đó các em tìm thấy sự bình yên... Đây là hoạt động giúp học sinh cảm nhận về giá trị hoà bình, tôn trọng, yêu thương, tự do.

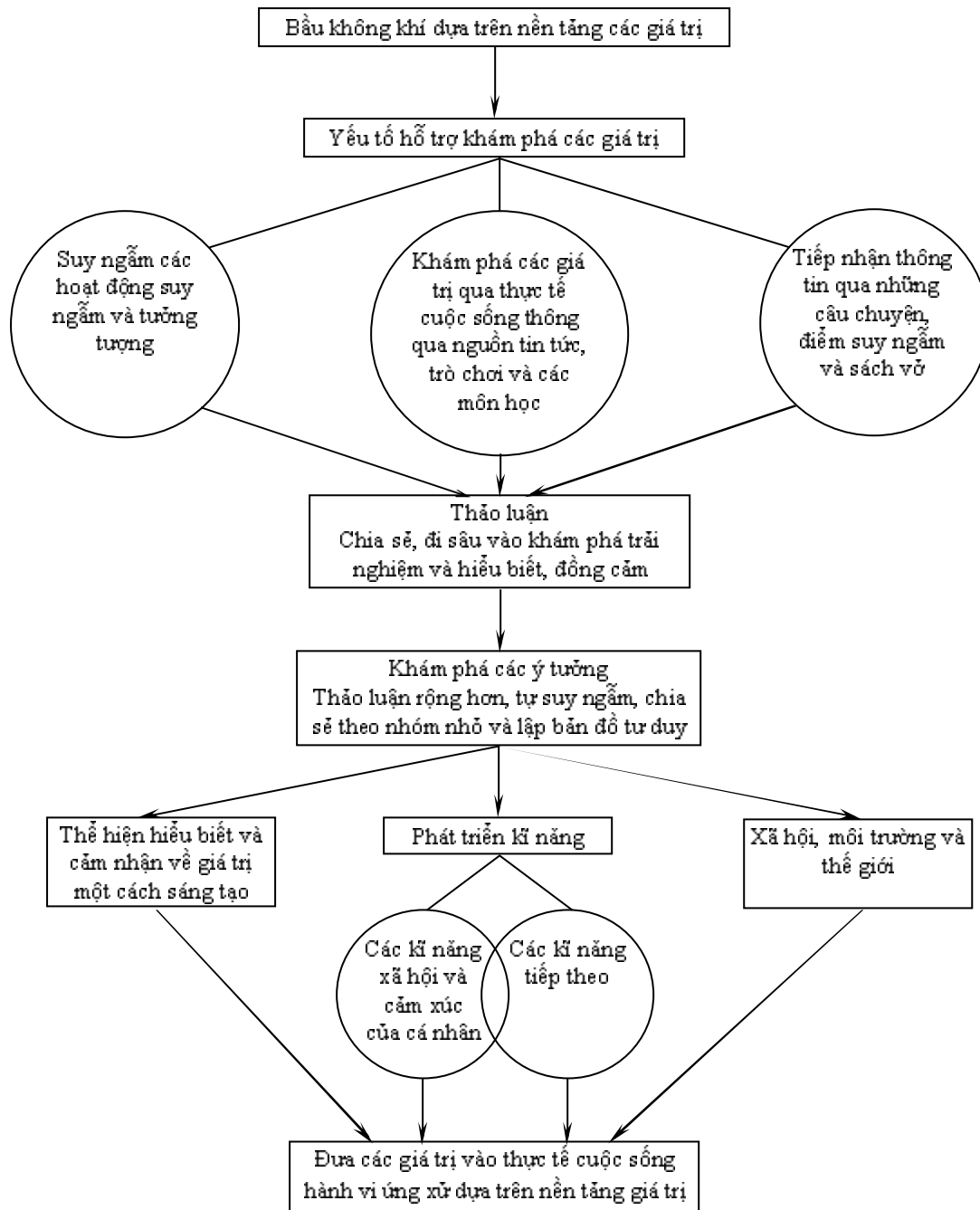
- Biểu diễn nghệ thuật: Trong các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt dưới cờ, giáo viên có thể đề nghị các em hát, diễn kịch, vẽ... trình bày suy nghĩ của mình về một giá trị nào đó. Ví dụ, một nhóm học sinh có thể viết và diễn một vở kịch về trung thực trong học tập và thi cử... Thông qua hoạt động này, học sinh cũng thể hiện tinh thần hợp tác trong viết kịch bản và diễn kịch, đồng thời các em tự nói ra những suy nghĩ của mình về trung thực trong học tập, thi cử.
- Phát triển bản thân: Hoạt động này hướng các em đến việc tạo dựng và phát triển các kỹ năng của bản thân.
- Phát huy các kỹ năng xã hội: Thông qua các tình huống giả định, sắm vai... Học sinh sẽ phát huy các kỹ năng xã hội của bản thân để thực hành giải quyết các vấn đề đó.

Tóm lại, những hoạt động giá trị sống đa dạng này, về phía học sinh, sẽ góp phần làm nổi bật các giá trị của các em, về phía giáo viên, sẽ là những gợi ý cho giáo viên trong quá trình cùng với học sinh khám phá, thể nghiệm các giá trị sống.

* *Sơ đồ khám phá và phát triển các giá trị sống:*

- Xây dựng bầu không khí dựa trên nền tảng các giá trị sống:

Xây dựng bầu không khí dựa trên nền tảng các giá trị sống là bước đầu tiên trong việc khám phá và phát triển các giá trị sống. Đây là bước quan trọng, chuẩn bị tâm thế cho người học, cho người học một cảm giác thấu hiểu, yêu thương tôn trọng, an toàn và có giá trị. Môi trường học tập được xây dựng dưới bầu không khí dựa trên nền tảng các giá trị sống sẽ tạo ra cảm giác thích thú học tập, học lực của học sinh được cải thiện và quan trọng hơn. Nó giảm được các hành vi bạo lực, kích thích thái độ tích cực trong học tập.



Sơ đồ khám phá và phát triển giá trị sống của LVEP

- Thực hiện các hoạt động giá trị:

Xây dựng bầu không khí dựa trên nền tảng các giá trị sống và thực hiện các hoạt động giá trị sống là hai quá trình hỗ trợ qua lại với nhau.

Gợi ý thứ tự dạy về các giá trị:

| | | |
|----|-------------|--|
| 1 | Hoà bình | Mức độ ưu tiên là quan trọng nhất; giảm thiểu sự xung đột, đối đầu giữa học sinh với giáo viên, học sinh với học sinh. Cần dành thời gian nhất cho hoạt động giáo dục giá trị này. |
| 2 | Tôn trọng | Nâng cao phẩm chất cá nhân của mỗi học sinh, giúp học sinh trở nên tự tin, biết tôn trọng người khác và năng động hơn. |
| 3 | Yêu thương | Nội dung này là bước phát triển tiếp theo của các kĩ năng đã học ở bài hoà bình và tôn trọng. |
| 4 | Khoan dung | Hoà bình là mục đích, khoan dung là phương pháp, nên yêu thương và khoan dung cần được đặt ở vị trí 3, 4. |
| 5 | Trung thực | |
| 6 | Khiêm tốn | |
| 7 | Hợp tác | |
| 8 | Hạnh phúc | Hạnh phúc nên đặt trước bài <i>Trách nhiệm</i> . |
| 9 | Trách nhiệm | |
| 10 | Giản dị | Phối hợp với môn học về giáo dục văn hoá địa phương. |
| 11 | Tự do | Học trách nhiệm trước bài học <i>Tự do</i> . |
| 12 | Đoàn kết | Nội dung này học cuối cùng là tốt nhất. |

Hoạt động 2: Giáo dục giá trị sống thông qua các phương pháp dạy học tích cực và các kĩ thuật dạy học.

1. Nhiệm vụ

Theo bạn, trong việc giáo dục giá trị sống khi áp dụng các phương pháp dạy học tích cực và kĩ thuật dạy học cần lưu ý những điều gì?

2. Thông tin phản hồi

* Trong hoạt động giáo dục giá trị sống, phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực học tập cho học sinh. Dưới đây là một số phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học tích cực tiêu biểu, có ưu thế cao trong việc phát huy tính tích cực của học sinh và giáo dục giá trị sống.

- Phương pháp dạy học nhóm;
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình;
- Phương pháp giải quyết vấn đề;
- Phương pháp đóng vai;
- Phương pháp trò chơi;
- Dạy học theo dự án (Phương pháp dự án).
- Kĩ thuật chia nhóm;
- Kĩ thuật giao nhiệm vụ;
- Kĩ thuật đặt câu hỏi;
- Kĩ thuật “khăn trải bàn”;
- Kĩ thuật “phòng tranh”;
- Kĩ thuật “công đoạn”;
- Kĩ thuật “các mảnh ghép”;
- Kĩ thuật động não;
- Kĩ thuật “trình bày 1 phút”;
- Kĩ thuật “chúng em biết 3”;
- Kĩ thuật “hỏi và trả lời”;
- Kĩ thuật “hỏi chuyên gia”;
- Kĩ thuật “lược đồ tư duy”;

- Kỹ thuật “hoàn tất một nhiệm vụ”;
- Kỹ thuật “viết tích cực”;
- Kỹ thuật “đọc hợp tác” (còn gọi là đọc tích cực);
- Kỹ thuật “nói cách khác”;
- Phân tích phim;
- Tóm tắt nội dung tài liệu theo nhóm.

* Kỹ thuật dạy học và phương pháp dạy học không thể thay thế cho nội dung, do đó trong hoạt động giáo dục giá trị, giáo viên cần lưu ý một số điểm sau:

Một là, chuẩn bị nội dung và hình thức trình bày trước mỗi bài học về giá trị. Về nội dung, giáo viên cần có được sự hiểu biết, trải nghiệm về giá trị đó; từ đó, cần nhắc đến các yếu tố tâm lý lứa tuổi, yếu tố nhận thức để đưa ra các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ cho phù hợp. Về hình thức, cần nghiên cứu cách thể hiện, truyền đạt nội dung giá trị bằng phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học hoặc phương tiện dạy học nào cho phù hợp, kết hợp, lồng ghép ở phần nào trong bài học...

Hai là, chuẩn bị tâm thế cho cả học sinh và giáo viên. Trong sự kết hợp, lồng ghép, giáo viên cũng cần dành khoảng thời gian nhất định chuẩn bị tâm thế cho học sinh trước khi giảng dạy nội dung một giá trị nào đó cho phù hợp. Chẳng hạn, dạy về hoà bình, giáo viên có thể cho các em nghe một bài hát có nội dung về hoà bình, hoặc dành cho các em vài phút để suy ngẫm, để tập trung/thư giãn... dành thời gian cho các em được chia sẻ những suy nghĩ của bản thân... Có thể tham khảo phương pháp của LVEP trong việc xây dựng bầu không khí dựa trên nền tảng các giá trị.

Ba là, tự mình và khuyến khích học sinh trải nghiệm và thực hành trên lớp cũng như ở nhà. Giáo viên cần là tấm gương cho các em noi theo trong các ứng xử đối với các em; đồng thời, khuyến khích các em thực hành ở nhà và lắng nghe các phản hồi từ phía học sinh sau khi chính các em đã trải nghiệm qua các giá trị đó.

Kết luận:

Giáo dục giá trị sống là một thành phần quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông, bên cạnh kiến thức, kĩ năng, thái độ. Giữa giá trị và nhân cách có mối quan hệ biện chứng, định hình giá trị góp phần hoàn thiện nhân cách và nhân cách hoàn thiện góp phần ổn định các giá trị của bản thân. Nhà trường đóng vai trò định hướng, điều chỉnh những hành vi của học sinh theo những giá trị và chuẩn mực chung của xã hội. Việc định hướng giá trị, xây dựng hệ thống giá trị ổn định cho học sinh trung học cơ sở là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Tác giả hi vọng nội dung đã được trình bày mở ra cho các thầy, các cô những suy nghĩ mới về việc giáo dục giá trị, định hướng giá trị, phương pháp giáo dục giá trị, nội dung giáo dục giá trị... Cùng quan điểm với GS. VS. Phạm Minh Hạc, sứ mệnh của giáo dục giá trị là “đưa cách tiếp cận giá trị vào toàn bộ hoạt động dạy – học, hình thành và phát triển bền vững con người, gia đình, cộng đồng, xã hội.”¹

¹ Phạm Minh Hạc, *Giá trị học – Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010, tr.183.



D. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Bạn đã nghiên cứu xong phần nội dung trình bày trong module trung học cơ sở 36, hãy trả lời các câu hỏi sau đây bằng cách đánh dấu (✓) vào ô thích hợp hoặc viết vào sổ học tập.
 - 1) Những kiến thức trình bày trong module này là hoàn toàn mới đối với bạn hay bạn đã biết trước khi đọc module này?

| | |
|------------------------|--------------------------|
| Hoàn toàn mới | <input type="checkbox"/> |
| Đã biết trước một phần | <input type="checkbox"/> |
| Biết trước tất cả | <input type="checkbox"/> |
 - 2) Module này có đáp ứng được nhu cầu học tập của bạn không?

| | |
|-------------|--------------------------|
| Không | <input type="checkbox"/> |
| Không nhiều | <input type="checkbox"/> |
| Có | <input type="checkbox"/> |
 - 3) Nội dung của module này có giúp ích gì cho hoạt động giáo dục giá trị sống ở trường bạn không?

| | |
|-------------|--------------------------|
| Không | <input type="checkbox"/> |
| Không nhiều | <input type="checkbox"/> |
| Có | <input type="checkbox"/> |
 - 4) Bạn có thể vận dụng kiến thức thu hoạch được trong module này vào công tác giảng dạy được không?

| | |
|---------------------|--------------------------|
| Không vận dụng được | <input type="checkbox"/> |
| Không nhiều | <input type="checkbox"/> |
| Có vận dụng được | <input type="checkbox"/> |
2. Nội dung quan trọng nhất mà bạn thu hoạch được qua nghiên cứu module này là gì?
3. Qua module này, bạn thấy cần tiếp tục nghiên cứu, rèn luyện thêm những kiến thức, kĩ năng nào?
4. Bạn có thể đề xuất những nội dung cần bổ sung cho module này:
5. Theo bạn, giáo dục về hoà bình có thể lồng ghép vào bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế mới giáo án bài giảng này như thế nào?

6. Theo bạn, giáo dục về tôn trọng có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
7. Theo bạn, giáo dục về yêu thương có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
8. Theo bạn, giáo dục về khoan dung có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
9. Theo bạn, giáo dục về hạnh phúc có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
10. Theo bạn, giáo dục về trách nhiệm có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
11. Theo bạn, giáo dục về hợp tác có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
12. Theo bạn, giáo dục về khiêm tốn có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
13. Theo bạn, giáo dục về trung thực có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
14. Theo bạn, giáo dục về giản dị có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
15. Theo bạn, giáo dục về tự do có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?
16. Theo bạn, giáo dục về đoàn kết có thể lồng ghép trong bài nào trong chương trình trung học cơ sở? Giả sử, bạn là giáo viên dạy môn học đó, bạn sẽ thiết kế môi giáo án bài giảng này như thế nào?



E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Chuẩn, Phạm Văn Đức, Hồ Sỹ Quý, *Tìm hiểu giá trị truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
2. Vũ Thị Kim Dung, *Về sự biến đổi chuẩn mực đánh giá thẩm mỹ trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003.
3. Denis Huisman, *Mĩ học*, NXB Thế giới, 2003.
4. Đỗ Huy, *Chuyển đổi các giá trị trong văn hoá Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, 1993.
5. Đỗ Huy, *Cái đẹp một giá trị*, NXB Hà Nội, 1993.
6. Hồ Sỹ Quý, *Về giá trị và giá trị châu Á*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
7. Nguyễn Thạc – Mạc Văn Trang – Nguyễn Quang Uẩn, *Giá trị và định hướng giá trị nhân cách*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
8. Vũ Duy Thông, *Cái đẹp trong kháng chiến Việt Nam 1945 – 1975*, NXB Giáo dục, 2000.
9. E. Wanning, *Sức văn hoá Mỹ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
10. Xavier Barral Altet, *Lịch sử nghệ thuật*, NXB Thế giới, 2003.
11. Dianne Tillmen, *Những giá trị cho tuổi trẻ*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2009.
12. Dương Thu Ái – Nguyễn Kim Hanh (sưu tầm, dịch), *Giáo dục truyền thống văn hoá gia đình cổ xưa*, NXB Văn hoá Thông tin, 2003.
13. Ngô Đức Thịnh, *Những giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.
14. Phạm Minh Hạc, *Giá trị học – Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
15. Phạm Minh Hạc – Thái Duy Tuyên, *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.